TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-7-2021
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Hoa;
2. Bà Nguyễn Hoàng Liên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lương Xuân Toản - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1975;
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.
- Bị đơn*:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 03 năm 2021 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/12/1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 7 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh Q không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh Q có 03 con chung Nguyễn Văn B, sinh năm 1994, Nguyễn Văn N, sinh năm 1997 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2010, cháu B và cháu N đã trưởng thành chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, gửi thông báo phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án có gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Nguyễn Văn Q nhưng anh Q không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Q vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn P, xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Hiện nay anh Q không cắt tạm trú, tạm vắng hoặc chuyển khẩu đi đâu. Qua xác minh tại Trưởng thôn P, xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái, cho biết: "Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q có đăng ký kết hôn năm 1992, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái, việc kết hôn là tự nguyện. Qua nắm bắt tình hình tại địa phương thì được biết vợ chồng chị H và anh Q có mâu thuẫn, hai vợ chồng thường đi làm ăn xa. Chị H và anh Q có 03 người con chung Nguyễn Văn B, sinh năm 1994, Nguyễn Văn N, sinh năm 1997 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2010. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Q có hay không trưởng thôn không rõ. Nay chị H xin ly hôn anh Q đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật".

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q; Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q có 03 con chung Nguyễn Văn B, sinh năm 1994, Nguyễn Văn N, sinh năm 1997 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2010; cháu B và cháu N đã trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Quỳnh C cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chi H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Nguyễn Văn Q là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/12/1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị H và anh Q tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh Q đi làm ăn xa, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh Q nhiều lần nhưng anh Q đều vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì mâu thuẫn giữa chị H và anh Q là đúng, chị H và anh Q đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Chị H và anh Q có 03 con chung Nguyễn Văn B, sinh năm 1994, Nguyễn Văn N, sinh năm 1997 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2010, cháu B và cháu N đã trưởng thành chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu C, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C của chị H là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu C muốn được ở cùng với chị, mặt khác cháu C còn nhỏ rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó cần giao cháu C cho chị H thực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi.

Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q có 03 con chung Nguyễn Văn B, sinh năm 1994, Nguyễn Văn N, sinh năm 1997 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2010; cháu B và cháu N đã trưởng thành.

Giao cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Q có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005461 ngày 03-03-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Thi hành án DS huyện Văn Yên;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương